

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Kinh doanh quốc tế năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/7/2026 của ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 552/KH-ĐHCNKT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-ĐHCNKT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếng Việt năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp số 70/BB-HĐKHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Biên bản họp số 72/BB-HĐKHĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Kinh doanh quốc tế (mã ngành 7340120)** áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Kinh doanh quốc tế
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: International Business
Tên ngành đào tạo Tiếng Việt	: Kinh doanh quốc tế
Tên ngành đào tạo Tiếng Anh	: International Business
Mã ngành	: 7340120
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	: Tiếng Việt

Phiên bản cập nhật năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Kinh doanh quốc tế, trình độ đại học

TT	Các thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Tên Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế
		Tên Tiếng Anh: International Business
2	Tên ngành đào tạo	Tên Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế
		Tên Tiếng Anh: International Business
3	Mã ngành	7340120
4	Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân
6	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
7	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
8	Hình thức đào tạo	Chính quy
9	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
10	Khối lượng học tập	132 tín chỉ
11	Thời gian đào tạo tiêu chuẩn	4 năm
12	Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào của CTĐT)	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT
13	Tiêu chí tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
14	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quyết định 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 và cập nhật theo các quy định hiện hành.
15	Vị trí việc làm	<i>Nhóm 1 – Chuyên viên tại các doanh nghiệp:</i> Chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên logistics và quản lý chuỗi cung ứng, chuyên viên phát triển thị trường quốc tế, chuyên viên marketing quốc tế, chuyên viên phân tích và hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh quốc tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty đa quốc gia, ngân hàng thương mại, công ty logistics và giao nhận vận tải quốc tế. <i>Nhóm 2 – Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức:</i> Chuyên viên phụ trách hợp tác quốc tế, xúc tiến thương mại và đầu tư tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại, hải quan, các tổ chức quốc tế, hiệp hội ngành hàng và tổ chức phi chính phủ. <i>Nhóm 3 – Quản lý và khởi nghiệp:</i> Sau thời gian tích lũy kinh nghiệm, có thể đảm nhận các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao (trưởng phòng kinh doanh quốc tế, giám đốc xuất nhập khẩu, giám đốc chi nhánh...); tự khởi nghiệp, thành lập và điều hành doanh nghiệp kinh doanh trong môi trường quốc tế. <i>Nhóm 4 – Nghiên cứu và giảng dạy:</i> có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước để tương lai đảm nhận các vị trí như nghiên cứu viên,

		giảng viên về kinh doanh quốc tế tại các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng.
16	CTĐT đối sánh	- Kinh doanh quốc tế (Trường ĐH Ngoại Thương, Việt Nam) - Digital Business Management – International Program (Chulalongkorn University, Thailand) - International Business (National Taiwan University, Taiwan)
17	Mục tiêu chung	Đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cao về kinh doanh quốc tế ở trình độ đại học, thông thạo ngoại ngữ; có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh trên phạm vi quốc tế; có khả năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo; có sức khỏe, kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các tổ chức tiếp nhận.
18	Chuẩn đầu ra	
18.1	<i>Kiến thức</i>	PLO1. Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và công nghệ trong kinh doanh quốc tế. PLO2. Áp dụng được kiến thức chuyên môn trong kinh doanh quốc tế. PLO3. Vận hành và thực hiện cải tiến các hoạt động trong kinh doanh quốc tế.
18.2	<i>Kỹ năng</i>	PLO4. Kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định và nghiên cứu trong kinh doanh quốc tế. PLO5. Hình thành năng lực lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm và đàm phán. PLO6. Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng nhiều hình thức và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc.
18.3	<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>	PLO7. Hình thành nhận thức về đạo đức và thái độ nghề nghiệp, phát triển bền vững, khả năng hội nhập quốc tế. PLO8. Khả năng học tập suốt đời. PLO9. Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát các dự án kinh doanh quốc tế
19	Cấu trúc CTĐT	Tổng thời lượng: 132 tín chỉ Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 tín chỉ
20	Hướng dẫn thực hiện chương trình	- Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; và cập nhật theo các quy định hiện hành. - Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025); và cập nhật theo các quy định hiện hành
21	Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Năm 2026.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Kinh doanh quốc tế
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: International Business
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kinh doanh quốc tế
Mã ngành	: 7340120
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Đơn vị quản lý	: Khoa Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 04 năm.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM.

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT và cập nhật theo các quy định hiện hành.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Kinh doanh quốc tế có thể đảm nhận các vị trí việc làm sau:

Nhóm 1 – Chuyên viên tại các doanh nghiệp: Chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên logistics và quản lý chuỗi cung ứng, chuyên viên phát triển thị trường quốc tế, chuyên viên marketing quốc tế, chuyên viên phân tích và hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh quốc tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty đa quốc gia, ngân hàng thương mại, công ty logistics và giao nhận vận tải quốc tế.

Nhóm 2 – Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức: Chuyên viên phụ trách hợp tác quốc tế, xúc tiến thương mại và đầu tư tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại, hải quan, các tổ chức quốc tế, hiệp hội ngành hàng và tổ chức phi chính phủ.

Nhóm 3 – Quản lý và khởi nghiệp: Sau thời gian tích lũy kinh nghiệm, có thể đảm nhận các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao (trưởng phòng kinh doanh quốc tế, giám đốc xuất nhập khẩu, giám đốc chi nhánh...); tự khởi nghiệp, thành lập và điều hành doanh nghiệp kinh doanh trong môi trường quốc tế.

Nhóm 4 – Nghiên cứu và giảng dạy: có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước để tương lai đảm nhận các vị trí như nghiên cứu viên, giảng viên về kinh doanh quốc tế tại các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng.

6. Chương trình đào tạo đối sánh

- Kinh doanh quốc tế (Trường ĐH Ngoại Thương, Việt Nam)
- Digital Business Management – International Program (Chulalongkorn University, Thailand)
- International Business (National Taiwan University, Taiwan)

7. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu chung

CTĐT Kinh doanh quốc tế đào tạo cử nhân có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh doanh quốc tế, có năng lực ngoại ngữ, giao tiếp, đàm phán, phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ để tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

7.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Người học vận dụng và tích hợp kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên sâu về kinh doanh quốc tế, dữ liệu và công nghệ số để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong môi trường kinh doanh toàn cầu, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

PO2. Người học giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ; phối hợp nhóm, đàm phán, lãnh đạo và ra quyết định dựa trên dữ liệu, bằng chứng và tư duy hệ thống trong bối cảnh kinh doanh quốc tế.

PO3. Người học hình thành, lập kế hoạch, triển khai, kiểm soát và cải tiến hoạt động/dự án kinh doanh quốc tế; có năng lực tự học suốt đời, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và định hướng phát triển bền vững.

7.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kinh doanh quốc tế tương ứng với thang trình độ năng lực theo bảng dưới đây:

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
1	Kiến thức				
PLO1	Vận dụng kiến thức nền tảng về toán, khoa học xã hội, văn hóa, pháp luật, kinh tế và công nghệ số để nhận diện các vấn đề cơ bản trong môi trường kinh doanh quốc tế.	Vận dụng được kiến thức toán, thống kê và kinh tế cơ bản để xử lý các vấn đề định lượng trong kinh doanh quốc tế.	PI1.1	3	CDR chung
		Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, văn hóa, pháp luật và môi trường kinh doanh quốc tế để nhận diện bối cảnh hoạt động kinh doanh.	PI1.2		
		Sử dụng được công nghệ thông tin, công cụ số và dữ liệu cơ bản để hỗ trợ học tập, phân tích và hoạt động nghề nghiệp trong kinh doanh quốc tế.	PI1.3		
PLO2	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, marketing và chiến lược kinh doanh quốc tế để giải quyết các	Phân tích được các nguyên lý, quy trình và chính sách liên quan đến thương mại quốc tế và hoạt động xuất nhập khẩu.	PI2.1	4	CDR chuyên biệt
		Vận dụng được kiến thức logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong xử lý tình huống kinh doanh quốc tế.	PI2.2		
		Vận dụng được kiến thức marketing, quản trị và chiến	PI2.3		

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs) vấn đề nghề nghiệp.	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		lược trong xử lý tình huống kinh doanh quốc tế.			
PLO3	Đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, công nghệ, thị trường và bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.	Đánh giá được hiệu quả các hoạt động thương mại, logistics, marketing hoặc vận hành kinh doanh quốc tế.	PI3.1	5	CDR chuyên biệt
		Đề xuất được giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, công nghệ, và bối cảnh thị trường.	PI3.2		
		Tích hợp được công nghệ số vào cải tiến hoạt động kinh doanh quốc tế.	PI3.3		
2	Kỹ năng				
PLO4	Phân tích vấn đề, thực hiện nghiên cứu và ra quyết định trong kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, phương pháp nghiên cứu và bằng chứng thực tiễn.	Xác định được vấn đề, mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu hoặc tình huống cần giải quyết trong kinh doanh quốc tế.	PI4.1	4	CDR chuyên biệt
		Lựa chọn và áp dụng được công cụ, phương pháp nghiên cứu, phân tích dữ liệu hoặc phân tích thị trường phù hợp.	PI4.2		
		Đưa ra được quyết định hoặc khuyến nghị dựa trên phân tích dữ liệu, kết quả nghiên cứu và bối cảnh kinh doanh quốc tế.	PI4.3		
PLO5	Làm việc nhóm, lập kế hoạch, đánh giá công việc và đàm phán hiệu quả với các bên liên quan trong môi trường kinh doanh quốc tế	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ hoặc dự án kinh doanh quốc tế.	PI5.1	3	CDR chung
		Lập kế hoạch, và đánh giá được kết quả công việc của nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	PI5.2		
		Thực hiện được hoạt động đàm phán, thương lượng hoặc trao đổi với các bên liên quan trong bối cảnh kinh doanh quốc tế.	PI5.3		
PLO6	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi	Giao tiếp được bằng tiếng Việt trong môi trường học thuật, nghề nghiệp và kinh doanh.	PI6.1	3	CDR chung

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs) trường kinh doanh quốc tế, đa văn hóa và hội nhập.	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		Trình diễn được ý tưởng, kế hoạch hoặc kết quả phân tích trong bối cảnh kinh doanh.	PI6.2		
		Trao đổi được thông tin chuyên môn cơ bản bằng ngoại ngữ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	PI6.3		
3	Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO7	Vận dụng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tư duy phát triển bền vững, năng lực hội nhập và hiểu biết đa văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	Vận dụng được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	PI7.1	3	CDR chung
		Phân tích được yếu tố văn hóa, đa dạng, hội nhập và bối cảnh kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế.	PI7.2		
PLO8	Thể hiện năng lực tự học, học tập suốt đời, tự định hướng phát triển chuyên môn và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế	Làm việc độc lập và chủ động trong thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc nghề nghiệp.	PI8.1	3	CDR chung
		Thực hiện được kế hoạch tự học, cập nhật tri thức và phát triển năng lực nghề nghiệp.	PI8.2		
PLO9	Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát và cải tiến dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế.	Hình thành và phát triển được ý tưởng kinh doanh, dự án kinh doanh hoặc phương án cải tiến hoạt động kinh doanh quốc tế.	PI9.1	5	CDR chuyên biệt
		Điều phối nguồn lực và tổ chức thực hiện được dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế.	PI9.2		
		Kiểm soát và cải tiến được dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên mục tiêu, dữ liệu, nguồn lực và bối cảnh thị trường.	PI9.3		

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40	34	6	

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	14	14		
2	Tin học	3	3		
3	Kiến thức ngoại ngữ	8	8		
4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp	6	0	6	
5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)	9	9		
6	Kiến thức giáo dục đại cương khác				
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	79	13	
1	Nhập môn ngành	3	3		
2	Cơ sở ngành	28	24	4	
3	Chuyên ngành	51	42	9	
4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)	2	2		
5	Thực tập tốt nghiệp	2	2		
6	Khoá luận tốt nghiệp	6	6		
III	KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP	(8)			0%
1	Giáo dục thể chất	(3)			0%
2	Giáo dục quốc phòng	(4)			0%
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ	(4)			0%
1	Chuyên đề doanh nghiệp	1	1		0%
2	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	3		0%
TỔNG CỘNG		132	113	19	

9. Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		40	39	1	
I.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương		14	14		
1.	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	3		
2.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		LLCT130105
3.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		LLCT130105
4.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		LLCT130105
5.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
6.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	3		
I.2	Tin học		3	2	1	

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
7.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3	2	1	
I.3	Kiến thức ngoại ngữ		8	8		
8.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4			
9.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4			
I.4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp					
Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC) của 4 nhóm tự chọn. Khuyến khích chọn 2 học phần trong cùng một nhóm tự chọn, tuy nhiên sinh viên được phép chọn 2 học phần thuộc 2 nhóm tự chọn.						
Nhóm 1: Tự chọn Công nghệ thông tin 1			6	6	0	
10.	DBSY230184	Cơ sở Dữ liệu	3	3	0	
11.	WEPR330479	Lập trình web	3	3	0	
Nhóm 2: Tự chọn Môi trường và Phát triển bền vững			6	6	0	
12.	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	3	0	
13.	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	3	0	
Nhóm 3: Tự chọn Pháp Luật trong môi trường kỹ thuật			6	6	0	
14.	CLET337339	Pháp luật hợp đồng trong kỹ thuật và công nghệ	3	3	0	
15.	IPTT337439	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	3	3	0	
Nhóm 4: Tự chọn Kỹ năng sống			6	6	0	
16.	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	3	0	
17.	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	3	0	
I.5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)		9	9		
18.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	3		
19.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	3		MATH132701
20.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	3		MATH132801
I.6	Kiến thức giáo dục đại cương khác					
	...	...				

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92	81	11	
II.1	Nhập môn ngành		3	2	1	
21.	INBU132308	Nhập môn ngành KDQT	3	2	1	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành		28	28		
II.2.1	Kiến thức bắt buộc		24	24		
22.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	3		
23.	INBU230508	Kinh doanh quốc tế	3	3		
24.	ECON240206	Kinh tế học	4	4		
25.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	3		
26.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	3		
27.	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2	2		
28.	BENG330708	Anh văn thương mại	3	3		
29.	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	3		
II.2.2	Kiến thức tự chọn		4	4		
Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong các học phần tự chọn theo danh sách dưới đây						
30.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	2		
31.	ORBE320106	Hành vi tổ chức	2	2		
32.	EGEO123408	Địa lý kinh tế	2	2		
33.	BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2		
34.	CCUL224408	Quản trị đa văn hoá	2	2		
35.	SEMA320907	Thị trường chứng khoán	2	2		
36.	CUSM321006	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2		
37.	PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh	2	2		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		51	51		
II.3.1	Kiến thức bắt buộc		42	42		
Hướng ngoại thương			13	13		
38.	ITRA230308	Thương mại quốc tế	3	3		
39.	BLAW232408	Luật thương mại quốc tế	3	3		

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
40.	IBNE322908	Đàm phán thương mại quốc tế	2	2		
41.	FTRO332608	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3		
42.	CUST422109	Nghiệp vụ hải quan	2	2		
Hướng Vận hành chuỗi cung ứng quốc tế			11	11		
43.	GSCM430809	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	3		
44.	LOOP432209	Nghiệp vụ logistics	3	3		
45.	PROM322811	Quản trị mua hàng	2	2		
46.	TFIN330309	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	3		
Hướng Quản trị kinh doanh quốc tế			18	18		
47.	IBST432808	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	3		
48.	PRMA434308	Quản trị dự án	3	3		
49.	GOPM431906	Quản trị vận hành toàn cầu	3	3		
50.	BUAN331107	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		
51.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	3		
52.	GLMA334708	Marketing toàn cầu	3	3		
II.3.2	Kiến thức tự chọn		9	9		
Sinh viên chọn học 03 học phần khác nhau trong các học phần tự chọn theo danh sách dưới đây						
Hướng Quản trị kinh doanh quốc tế						
53.	IHRM232708	Quản trị NNL quốc tế	3	3		
54.	FIMA431907	Quản trị tài chính quốc tế	3	3		
55.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	3		
56.	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	3		
57.	SQMA432208	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	3		
58.	IBRI333708	Rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3	3		
Hướng Marketing và xúc tiến thương mại quốc tế						
59.	BPRO333808	Xúc tiến thương mại quốc tế	3	3		

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
60.	EMAR431108	Marketing điện tử	3	3		
61.	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3	3		
<i>Hướng Vận hành chuỗi cung ứng quốc tế</i>						
62.	ELOG332509	Logistics điện tử	3	3		
63.	DEMA431609	Quản trị kho hàng và kênh phân phối	3	3		
II.4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)		2		2	
64.	INTE221408	Thực tập doanh nghiệp (KQT)	2		2	
II.5	Thực tập tốt nghiệp		2		2	
65.	INTE422608	Thực tập tốt nghiệp (KQT)	2		2	
II.6.	Khoá luận tốt nghiệp		6		6	
66.	IBGR461708	Khóa luận tốt nghiệp (KQT)	6			
III	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng					
III.1	Giáo dục thể chất					
67.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1			
	Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong 08 học phần lựa chọn theo danh sách dưới đây		2			
68.	FOOT112330	Bóng đá	1			
69.	VOLL112330	Bóng chuyền	1			
70.	BASK112330	Bóng rổ	1			
71.	BADM112330	Cầu lông	1			
72.	TENN112330	Quần vợt	1			
73.	KARA112330	Không thủ đạo	1			
74.	CHES112330	Cờ vua	1			
75.	PICK112330	Pickleball	1			
76.	CHIN112330	Cờ tướng	1			
III.2	Giáo dục quốc phòng					
77.	GDQP110131	Giáo dục quốc phòng 1	1			

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
78.	GDQP110231	Giáo dục quốc phòng 2	1			
79.	GDQP110331	Giáo dục quốc phòng 3	1			
80.	GDQP110431	Giáo dục quốc phòng 4	1			
IV	Chuyên đề bổ trợ					
81.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1			
82.	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3			

(*) Giải thích chữ viết tắt: học phần (HP), lý thuyết (LT), thí nghiệm (TN), thực hành (TH), thực tập (TT).

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không ghép vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	Điều kiện môn học tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105*
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT120205*
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT120205*
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120405*, LLCT120314*
5.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	
6.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	
8.		Giáo dục thể chất 2	0	
9.		Giáo dục thể chất 3	0	
		Giáo dục Quốc phòng	0	
	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số		
Tổng			16	

Bố trí các môn học trong 8 học kỳ:

Học kỳ 1

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	INBU230508	Kinh doanh quốc tế	3	1	
2.	INBU132308	Nhập môn ngành KDQT	3 (2+1)	1	
3.	ECON240206	Kinh tế học	4	1	
4.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	2	
5.	LLCT130105	Triết học Mác-Lênin	3	2	
Tổng			16		

Học kỳ 2

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	1	
2.	BENG330708	Anh văn thương mại	3	1	
3.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	1	
4.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	2	MATH132701
5.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	2	
6.		<i>Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp</i>	3	1,2	
7.		Tự chọn cơ sở ngành	2	1,2	
	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1	2	Không tích lũy
Tổng			20		

Học kỳ 3

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	1	MATH132801
2.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	1	
3.	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2	1	
4.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	2	
5.	IBNE322908	Đàm phán thương mại quốc tế	2	2	
8.		<i>Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp</i>	3	1,2	
9.		Tự chọn cơ sở ngành	2	1,2	
Tổng			18		

Học kỳ 4

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	1	RMET220406
2.	GLMA334708	Marketing toàn cầu	3	1	
3.	BLAW232408	Luật thương mại quốc tế	3	1	
7.	ITRA230308	Thương mại quốc tế	3	2	
5.	INTE221408	Thực tập doanh nghiệp (KQT)	2	2	
6.		Tự chọn chuyên ngành	3	1,2	
Tổng			17		

Học kỳ 5

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	PRMA434308	Quản trị dự án	3	1	
2.	FTRO332608	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	1	
4.	LOOP432209	Nghiệp vụ logistics	3	1	
3.	TFIN330309	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	2	
4.	PROM322811	Quản trị mua hàng	2	2	
5.	GOPM431906	Quản trị vận hành toàn cầu	3	2	
6.		Tự chọn chuyên ngành	3	1,2	
Tổng			20		

Học kỳ 6

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	BUAN331107	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	1	
2.	CUST422109	Nghiệp vụ hải quan	2	1	
3.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	1	
4.	GSCM430809	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	2	
5.	IBST432808	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	2	
6.		Tự chọn chuyên ngành	3	1,2	
Tổng			17		

Học kỳ 7

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	INTE422608	Thực tập tốt nghiệp (KQT)	2	1,2	INTE221408
2.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp		1	
Tổng			2		

Học kỳ 8

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước*
1.	IBGR461708	Khóa luận tốt nghiệp KQT/Thi tốt nghiệp	6	1,2	INTE422608
Tổng			6		

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập**11.1. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn ra của mỗi học phần và CTĐT.

11.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, đánh giá mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- CTĐT thực hiện theo Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025) và cập nhật theo các quy định hiện hành.

- CTĐT thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Đơn vị quản ngành phân công giảng viên giảng dạy các học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo, các quy chế và quy định hiện hành có liên quan của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Lập kế hoạch, đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

- Giờ quy định được tính như sau: 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. 01 tiết học được tính bằng 50 phút.

13. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

13.1 Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện duy trì ngành.

13.2 Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Ngoài phòng học lý thuyết, sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học của mình như các phòng sau đây: Phòng BI (A4-201), A3-101, A3-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B và một số phần mềm hỗ trợ tại các phòng này.

14. Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022) và cập nhật theo các quy định hiện hành.

15. Thời gian ban hành/cập nhật bản mô tả CTĐT: năm 2026.

16. Các phụ lục chương trình đào tạo

- Phụ lục I. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.
- Phụ lục II: Ma trận các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT (theo Biểu mẫu 3A - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).
- Phụ lục III: Ma trận tương quan chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn CDIO (theo Biểu mẫu 3B - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu

TS. Quách Thanh Hải

PHỤ LỤC I
MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Triết học Mác-Lênin

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, con người; Đạo đức.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Pháp luật đại cương

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

6. Toán kinh tế 1

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

7. Toán kinh tế 2

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Toán kinh tế 1

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

8. Xác suất thống kê ứng dụng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

9. Nhập môn ngành Kinh doanh quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(2, 1, 6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Thương mại điện tử cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

10. Kinh doanh quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

11. Kinh tế học

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 (4,0, 8)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Kinh tế học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

12. Nguyên lý kế toán

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ...).

13. Luật thương mại quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: pháp luật đại cương

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Luật thương mại quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về việc điều chỉnh các hoạt động mua bán hàng hóa, giao dịch thương mại và bảo hiểm quốc tế. Luật thương mại quốc tế là một hệ thống điều chỉnh các đối tượng kinh tế trong 2 trường hợp: Các mối quan hệ thương mại được phát sinh giữa các quốc gia, Các mối quan hệ thương mại được phát sinh giữa các chủ thể ở 2 quốc gia khác nhau. Trong nền kinh tế đang hội nhập, nhiều công ty, doanh nghiệp trong nước có cơ hội tham gia, kí kết hợp đồng với nước ngoài, nhà nước tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu, luật thương mại quốc tế đóng vai trò vô cùng quan trọng, giống như một kim chỉ nam cho các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động kinh doanh mà không bị cản trở bởi các rào cản pháp lý, hay sự khác biệt về luật định giữa các quốc gia.

14. Thương mại quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thương mại quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia. Nội dung bao gồm lý thuyết thương mại, chính sách thương mại, cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, các hiệp định thương mại và tổ chức quốc tế như WTO. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh toàn cầu, đánh giá rủi ro và cơ hội trong thương mại quốc tế, qua đó chuẩn bị nền tảng vững chắc cho công việc trong lĩnh vực kinh doanh và kinh tế quốc tế.

15. Thương mại điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai dự án về thương mại điện tử, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số.

16. Tin học ứng dụng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về tin học ứng dụng trong kinh tế và quản lý như thống kê các dữ liệu lớn (big data), quản lý các hàng tồn kho, các đơn hàng xuất khẩu và nhập khẩu, quản lý tiền lương, thuế TNCN của người lao động,.. bằng các công cụ Excel nâng cao và Visual basics. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức xử lý dữ liệu cơ bản như thống kê cơ bản, trực quan hóa dữ liệu cơ bản với Python trên môi trường Google Colaboratory. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.

17. Phương pháp nghiên cứu

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học từ đó xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

18. Anh văn thương mại

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Anh văn thương mại củng cố và phát triển kiến thức ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng sử dụng trong giao tiếp và viết thư tín thương mại; cung cấp kiến thức, từ vựng và những khái niệm chuyên ngành được sử dụng trong môi trường kinh doanh; rèn luyện kỹ năng diễn đạt ý kiến, suy nghĩ, ý tưởng và thuyết trình trong môi trường kinh doanh; phát triển các kỹ năng đánh giá công việc, dự đoán kết quả và lựa chọn quyết định; rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo nhằm đạt được hiệu quả trong kinh doanh.

19. Phân tích dữ liệu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Phương pháp nghiên cứu

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu cụ thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.

20. Đàm phán thương mại quốc tế

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Đàm phán là một trong những kỹ năng cần thiết trong việc đạt được những thỏa thuận trong kinh doanh. Ngoài ra, trong thời đại toàn cầu hoá, hoạt động đàm phán được tiến hành trong những môi trường văn hoá khác nhau. Môn học Đàm phán thương mại quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết liên quan về khái niệm tổng quan, phương thức, một số kỹ năng, giai đoạn của đàm phán thương mại quốc tế và đàm phán với các đối tác có nền văn hoá khác nhau.

21. Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương cung cấp kiến thức liên quan đến nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với đối tác nước ngoài. Học phần trang bị kiến thức về các thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động ngoại thương... Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

22. Nghiệp vụ hải quan

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ khai báo hàng hóa hải quan. Các kiến thức cơ bản như: Cách thức, thủ tục khai báo, các điều kiện về xuất nhập khẩu đối với một số loại hàng hóa xuất nhập khẩu; Các chính sách ưu đãi liên quan đến xuất xứ hàng hóa; Phân loại hàng hóa quốc tế; Hệ thống mã số HS; Một số qui định về cách tính trị giá hàng hóa để tính thuế; Chính sách quản lý về mặt hải quan đối với một số loại hình nhập khẩu.

23. Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu là một ngành học, một nghề chuyên môn rất mới ở Việt Nam và cả trên thế giới ngày nay. Học phần Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về chuỗi cung ứng và giúp người học hiểu được việc xây dựng hệ thống logistics, chiến lược thu mua, chiến lược sản xuất và chiến lược đáp ứng nhu cầu khách hàng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

24. Nghiệp vụ logistics

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị 2 chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

25. Quản trị mua hàng

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên kiến thức về quá trình mua hàng bao gồm: Tìm hiểu nhu cầu, định vị và lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán giá và các điều kiện phù hợp, và theo dõi để đảm bảo việc giao hàng. Thêm vào đó, mua hàng còn bao gồm việc lưu trữ, vận chuyển, nhận hàng, kiểm tra và kiểm tra hàng hóa.

26. Vận tải và bảo hiểm ngoại thương

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Vận tải và Bảo hiểm ngoại thương là một môn học mang tính nghiệp vụ cao và dựa trên những cơ sở pháp lý nhất định. Môn học bao gồm 2 nội dung lớn: thứ nhất, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu bao gồm các nội dung: nghiệp vụ thuê tàu vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển và nghiệp vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu bằng các phương thức khác như hàng không, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu bằng container. Thứ hai, bảo hiểm hàng hóa trong ngoại thương gồm các nội dung về vai trò, sự cần thiết của bảo hiểm đối với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Bảo hiểm hàng hải, các hình thức và

điều kiện bảo hiểm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, các quy trình thực hiện bảo hiểm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

27. Chiến lược kinh doanh quốc tế

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các chiến lược kinh doanh quốc, bao gồm các khái niệm cơ bản về chiến lược, chiến thuật, môi trường kinh doanh, chiến lược cấp công ty, chiến lược cấp đơn vị kinh doanh, chiến lược cấp chức năng, các chiến lược cạnh tranh, các chiến lược kinh doanh quản lý quốc tế, và các chiến lược cách thức xâm nhập thị trường quốc tế. Thông qua đó, người học sẽ có khả năng phân tích, đánh giá được môi trường kinh doanh, cũng như phân tích được các chiến lược mà doanh nghiệp sử dụng nhằm cạnh tranh với nhau, đồng thời có thể phân tích được các cách xâm nhập thị trường quốc tế, và cách vận dụng những công cụ chiến lược để đưa ra định hướng và lựa chọn chiến lược cho các tình huống khác nhau.

28. Quản trị dự án

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Quản trị dự án là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng ứng dụng và phân tích chính sách kinh tế. Môn học trang bị kiến thức, kỹ năng thực hành trong lĩnh vực quản lý các dự án quốc tế, các chương trình quốc tế, đặc biệt chú trọng các dự án và chương trình đầu tư/kinh doanh đa quốc gia của các tổ chức và doanh nghiệp. Các chủ đề chính bao quát khung kiến thức căn bản về đặc trưng dự án quốc tế, vị trí và mối quan hệ của dự án trong chiến lược quốc tế tổng thể của tổ chức, quy trình quản lý và nội dung các giai đoạn trong quản lý dự án quốc tế, và khảo sát tình huống một số dạng dự án quốc tế tiêu biểu.

29. Quản trị vận hành toàn cầu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị vận hành là một trong những chức năng chính của doanh nghiệp. Vì vậy, Quản trị vận hành có vai trò quan trọng đối với DN, không chỉ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất mà còn chất lượng sản phẩm dịch vụ sẽ quyết định doanh số, lợi nhuận và sự tồn tại, phát triển của DN. Môn học quản trị vận hành sẽ trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị vận hành trong doanh nghiệp. Các khái niệm, các quy trình quản trị cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu, cung ứng nguyên phụ liệu, quản lý hàng tồn kho, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp.... sẽ được môn học cung cấp cho người học, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.

30. Phân tích hoạt động kinh doanh

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về Phân tích hoạt động kinh doanh. Giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm. Nhận

biết nguyên nhân ảnh hưởng, phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

31. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP từ đó ứng dụng ERP trong thực tiễn như từ việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cả kế toán và thuế) và quản trị nhân sự.

32. Marketing toàn cầu

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao trong lĩnh vực Marketing Toàn cầu dựa trên các kiến thức cơ bản về Marketing và Kinh tế học quốc tế. Thông qua các tình huống thực tế, môn học giúp người học rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các hoạt động Marketing của các doanh nghiệp đa quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá như phân khúc thị trường, chiến lược thâm nhập và cạnh tranh, chiến lược Marketing mix v.v. Từ đó tiến đến việc trang bị cho người học khả năng ứng dụng và xây dựng các chương trình Marketing ở cấp độ toàn cầu cho một sản phẩm bất kỳ một cách có hệ thống và có phù hợp.

33. Thực tập doanh nghiệp (KQT)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(0,0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia kiến tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của một doanh nghiệp; mô tả lại một vị trí công việc cụ thể tại doanh nghiệp; thực hiện được một báo kiến tập hoàn chỉnh.

34. Thực tập tốt nghiệp

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(0, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của một doanh nghiệp; trình bày được thực trạng và nhận xét, đánh giá vấn đề mình nghiên cứu đang diễn ra tại doanh nghiệp; đề xuất được các giải pháp thực tiễn và khả thi; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

35. Khóa luận tốt nghiệp

6 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 6 (0, 0, 12)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Thực tập tốt nghiệp

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này yêu cầu sinh viên nghiên cứu đề tài liên quan đến chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, được thực hiện vào học kỳ cuối cùng của chương trình đào tạo. Thông qua môn học này, người học có khả năng tổng hợp, ứng dụng được kiến thức của ngành Quản lý công nghiệp trong công tác giải quyết vấn đề nghiên cứu, đồng thời vận dụng được các phương pháp luận để thu thập và phân tích thông tin, số liệu.

36. Kế hoạch khởi nghiệp

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình khởi nghiệp kinh doanh từ tìm kiếm cơ hội kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu khách hàng, đến phát triển ý tưởng sản phẩm, đề ra chiến lược kinh doanh phù hợp trong các bối cảnh thị trường khác nhau. Sinh viên làm việc theo nhóm dự án để thực hành lập bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và trải nghiệm gọi vốn đầu tư. Sinh viên được phát triển khả năng phân tích, đánh giá tính khả thi, tính hiệu quả, khả năng sinh lời, khả năng phát triển của một dự án kinh doanh khởi nghiệp.

37. Hành vi tổ chức

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

38. Địa lý kinh tế

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế địa lý, bao gồm các khái niệm cơ bản về cách vận hành nền kinh tế, chiến lược môi trường kinh doanh, các chiến lược cạnh tranh theo vùng miền địa lý hoặc lãnh thổ quốc gia. Thông qua đó, người học sẽ có khả năng phân tích, đánh giá được tình hình kinh tế của từng quốc gia hoặc từng khu vực. Một sự hiểu lầm phổ biến là trong thế giới toàn cầu hóa, địa lý không còn quan trọng nữa vì các công ty có thể định vị ở bất cứ đâu trên toàn cầu. Tuy nhiên, khi các hoạt động kinh tế đang ngày càng quốc tế hóa, kết nối giữa các nơi khác nhau tăng, cạnh tranh giữa họ tăng cường và bất bình đẳng đang gia tăng, vì vậy địa lý trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Khóa học sẽ giới thiệu cơ bản về phương pháp tiếp cận, khái niệm và lý thuyết mà các nhà địa lý kinh tế sử dụng; nó sẽ giúp bạn hiểu làm thế nào những khái niệm và lý thuyết này có thể được áp dụng trong bối cảnh của nền kinh tế toàn cầu hóa; và nó sẽ làm cho bạn biết về những cách mà cách tiếp cận địa lý kinh tế có thể cung cấp cho hoạch định chính sách.

39. Giao tiếp trong kinh doanh

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

40. Quản trị đa văn hoá

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2, 0, 2)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học đề cập đến thực tế thế giới đang thay đổi như thế nào thông qua tác động của công nghệ thông tin, sự phức tạp ngày càng tăng của tất cả các lĩnh vực kinh doanh và tổ chức dẫn đến sự hình thành các nền văn hóa nhóm nằm trong các nền văn hóa tổng thể của doanh nghiệp. Đồng thời, toàn cầu hoá đang buộc các nền văn hóa doanh nghiệp và văn hóa nhóm không thể nằm ngoài tương tác đa văn hoá. Mục tiêu học phần là làm rõ các vấn đề: Tương tác văn hoá khi các nền văn hoá gặp gỡ; Những thực tiễn mới cho các nhà lãnh đạo tương lai trong một thế giới đa văn hoá; Sự khác nhau trong văn hoá Đông – Tây; Văn hoá đàm phán của các quốc gia trên thế giới (một số quốc gia điển hình).

41. Thị trường chứng khoán

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chứng khoán và thị trường chứng khoán – một trong những kênh huy động vốn quan trọng nhất trong bất kỳ nền kinh tế nào của thế giới. Sinh viên được trình bày những lý thuyết căn bản của chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm những khái niệm về cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên vai trò và chức năng của các nhân tố tham gia thị trường chứng khoán như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các công ty chứng khoán.

42. Quản trị quan hệ khách hàng

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nghiên cứu một cách tổng thể các khía cạnh của quản trị quan hệ khách hàng (CRM), bao gồm chiến lược, chăm sóc khách hàng, bán hàng và công nghệ thông tin; qua đó, giúp người học hình dung quy trình thực hiện CRM trong doanh nghiệp và có thể ứng dụng được thông qua việc phân tích các tình huống.

43. Sở hữu trí tuệ

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Sở hữu trí tuệ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, cách thức xác lập bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng và các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

44. Tâm lý học kinh doanh

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,..

45. Phát triển bền vững

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Phát triển bền vững giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của việc tích hợp các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh toàn cầu. Nội dung tập trung vào các chiến lược kinh doanh bền vững, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), thương mại công bằng, quản trị chuỗi cung ứng xanh và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Sinh viên được trang bị tư duy toàn cầu và đạo đức kinh doanh, từ đó có khả năng đưa ra quyết định phù hợp với xu hướng phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.

46. Quản trị nguồn nhân lực quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần mô tả về tầm quan trọng và những xu hướng chung của công tác quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về những công tác quản trị nguồn nhân lực cụ thể như hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, quản trị tiền lương, hệ thống đãi ngộ và quan hệ lao động trong tổ chức.

47. Quản trị tài chính quốc tế

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Quản trị tài chính quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế. Cấu trúc môn học gồm 3 phần chính. Phần I khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Phần II làm rõ và nhấn mạnh mối liên kết chặt chẽ và tương tác liên tục giữa các thị trường và nền kinh tế các nước thông qua các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Phần III bao hàm các khía cạnh nghiên cứu chuyên sâu về sự vận động của tỷ giá và tác động của nó đến các lĩnh vực hoạt động kinh tế ngày nay.

48. Truyền thông marketing tích hợp

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao trong lĩnh vực Truyền thông Marketing, đặc biệt là Truyền Thông Marketing Tích Hợp dựa trên các kiến thức cơ bản về Marketing. Môn học giúp sinh viên có khả năng xây dựng, thực hiện và đánh giá một chương trình Truyền thông Marketing Tích hợp cho một sản phẩm hoặc nhãn hàng bất kỳ của doanh nghiệp một cách có hệ thống và phù hợp.

49. Quản trị chất lượng dịch vụ

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chất lượng, chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ. Học phần giới thiệu một số chỉ tiêu và phương pháp đánh giá chất lượng trong tổ chức, đồng thời hướng dẫn sinh viên sử dụng các phương pháp, kỹ thuật và công cụ để quản lý chất lượng dịch vụ như các công cụ kiểm soát chất lượng dịch vụ bằng thống kê. Học phần cung cấp những kiến thức về cách xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và quản lý chất lượng toàn diện (TQM) trong dịch vụ.

50. Quản trị bán hàng

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và kỹ năng cần thiết trong hoạt động bán hàng, bao gồm đặc điểm, kỹ thuật, môi trường và quy trình quản trị bán hàng. Đồng thời, sinh viên sẽ được tiếp cận và ứng dụng các công nghệ AI hiện đại trong việc nâng cao hiệu quả bán hàng và ra quyết định quản trị, từ đó tăng cường khả năng thích ứng với xu hướng chuyển đổi số trong kinh doanh.

51. Marketing điện tử

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về digital marketing. Sinh viên biết được tầm quan trọng của digital marketing trong hoạt động kinh doanh của công ty. Sinh viên biết cách thực hiện một chiến lược digital marketing kết hợp với các kênh marketing truyền thống, giúp đạt được mục tiêu của doanh nghiệp.

52. Quản lý Kho và Kênh phân phối

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quản trị hạ tầng hậu cần cuối chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm: quy hoạch và vận hành kho thành phẩm, quản trị tồn kho hạ nguồn, thiết kế cấu trúc

kênh phân phối, quản lý xung đột kênh và các chiến lược phân phối đa kênh (Omnichannel). Sinh viên sẽ thực hành thiết kế luồng hàng hóa và giải quyết các bài toán tối ưu hóa mạng lưới phân phối thực tế.

53. Chuyên đề doanh nghiệp

1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(0,0, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Chuyên đề doanh nghiệp là một môn yêu cầu sinh viên tham gia các hoạt động kết nối với doanh nghiệp thông qua các hình thức : tham quan doanh nghiệp, tham gia các hoạt động báo cáo chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp hoặc các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp báo cáo tại trường. Các hoạt động này được thực hiện xuyên suốt từ học kỳ 1 đến học kỳ 6 trong CTĐT của ngành học. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có cái nhìn tổng quan về môi trường làm việc tại doanh nghiệp cũng như có sự gắn kết với doanh nghiệp và nắm bắt được các cơ hội thực tập cũng như cơ hội việc làm tại doanh nghiệp. Sinh viên cũng hiểu được các xu hướng nghề nghiệp trong tương lai cũng như sự phát triển của khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

PLO/PI			Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																											Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp
			PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7		PLO8		PLO9					
			P I 1 . 1	P I 1 . 2	P I 1 . 3	P I 2 . 1	P I 2 . 2	P I 2 . 3	P I 3 . 1	P I 3 . 2	P I 3 . 3	P I 4 . 1	P I 4 . 2	P I 4 . 3	P I 5 . 1	P I 5 . 2	P I 5 . 3	P I 6 . 1	P I 6 . 2	P I 6 . 3	P I 7 . 1	P I 7 . 2	P I 8 . 1	P I 8 . 2	P I 9 . 1	P I 9 . 2	P I 9 . 3			
Học kỳ 1																														
MATH132701	Toán kinh tế 1	3																											1	
INBU132308	Nhập môn ngành KDQT			2								2		3			2		2										5	
ECON240206	Kinh tế học	3										4																	2	
INBU230508	Kinh doanh quốc tế		3														3			3									3	
Học kỳ 2																														
MATH132801	Toán kinh tế 2	3																											1	
BENG330708	Anh văn thương mại												3				4		3										3	
FUMA230806	Quản trị học căn bản		3								4			3															3	
APCM230307	Tin học ứng dụng			3					3		3																		3	
GELA220405	Pháp luật đại cương		3																										1	
Học kỳ 3																														
MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3								3																			2	
PRAC230407	Nguyên lý kế toán		3					3																	3	3			4	
ECOM431308	Thương mại điện tử				3				3										3										3	
RMET220406	Phương pháp nghiên cứu		3							4			3																3	
IBNE322908	Đàm phán thương mại quốc tế		3										3		4						3								4	
Học kỳ 4																														

PLO/PI		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																								Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp	
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7		PLO8		PLO9			
		P I 1 . 1	P I 1 . 2	P I 1 . 3	P I 2 . 1	P I 2 . 2	P I 2 . 3	P I 3 . 1	P I 3 . 2	P I 3 . 3	P I 4 . 1	P I 4 . 2	P I 4 . 3	P I 5 . 1	P I 5 . 2	P I 5 . 3	P I 6 . 1	P I 6 . 2	P I 6 . 3	P I 7 . 1	P I 7 . 2	P I 8 . 1	P I 8 . 2	P I 9 . 1	P I 9 . 2		P I 9 . 3
ITRA230308	Thương mại quốc tế				4					4		3	3								3						5
BLAW232408	Luật thương mại quốc tế		2		3					4										4							4
DANA230706	Phân tích dữ liệu		3								4		3														3
GLMA334708	Marketing toàn cầu		3		3		3						4								3						5
INTE221408	Thực tập doanh nghiệp (KQT)															3				3		3	3				4
Học kỳ 5																											
LOOP432209	Nghiep vụ logistics					2		3		3																	3
PRMA434308	Quản trị dự án								4															5	5	5	4
FTRO332608	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương				4			4		4						3			3								5
TFIN330309	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương					3	2		4																		3
PROM322811	Quản trị mua hàng					3													3					4			3
GOPM431906	Quản trị vận hành toàn cầu						3					4									3					3	4
Học kỳ 6																											
BUAN331107	Phân tích hoạt động kinh doanh		3						4					3												4	4
CUST422109	Nghiep vụ hải quan				2			4	4	3																	4
ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)						3	5		5		3											4				5
GSCM430809	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu					3		3		3			3													5	5
IBST432808	Chiến lược kinh doanh quốc tế						5				5			4					3		3	4					6
Học kỳ 7																											

PLO/PI		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																											Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7		PLO8		PLO9					
		P I 1 . 1	P I 1 . 2	P I 1 . 3	P I 2 . 1	P I 2 . 2	P I 2 . 3	P I 3 . 1	P I 3 . 2	P I 3 . 3	P I 4 . 1	P I 4 . 2	P I 4 . 3	P I 5 . 1	P I 5 . 2	P I 5 . 3	P I 6 . 1	P I 6 . 2	P I 6 . 3	P I 7 . 1	P I 7 . 2	P I 8 . 1	P I 8 . 2	P I 9 . 1	P I 9 . 2	P I 9 . 3			
INTE422608	Thực tập tốt nghiệp										4						3				3		3	4				5	
Học kỳ 8																													
IBGR461708	Khóa luận tốt nghiệp (KQT)								5		4							3					3	3				5	
Tự chọn cơ sở ngành																													
BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp																							5	5		2		
ORBE320106	Hành vi tổ chức		3											3														2	
EGEO123408	Địa lý kinh tế		3																		3							2	
BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh		3											3		3	3	3										5	
CCUL224408	Quản trị đa văn hoá		3																		3		3					3	
SEMA320907	Thị trường chứng khoán		2							3				3			3			3								5	
CUSM321006	Quản trị quan hệ khách hàng						3		3		3			3														4	
PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh		3						5					3			3											4	
Tự chọn chuyên ngành																													
FIMA431907	Quản trị tài chính quốc tế						4						3													4	4	4	
IHRM232708	Quản trị NNL quốc tế						2		3					3												4		4	
IBRI333708	Rủi ro trong kinh doanh quốc tế						5				5		5	3													6	5	
BPRO333808	Xúc tiến thương mại quốc tế				3				3							3								4				4	
SQMA432208	Quản trị chất lượng dịch vụ						4				3		4															3	
MAAC430507	Kế toán quản trị						3																			4		2	
EMAR431108	Marketing điện tử				4					5															5			3	

PLO/PI		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																									Số lượng CDR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7		PLO8		PLO9			
		PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI9.3	
SAMA332008	Quản trị bán hàng					4			3						3												3
IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp				3							4	3										3				4
ELOG332509	Logistics điện tử			3		3			4																		3
DEMA431609	Quản trị kho hàng và kênh phân phối					4		5								3											3
Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp																											
Nhóm 1: Tự chọn Công nghệ thông tin 1																											
DBSY230184	Cơ sở Dữ liệu			3					3									3									3
WEPR330479	Lập trình web			4					4																		2
Nhóm 2: Tự chọn Môi trường và Phát triển bền vững																											
CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính										3			3					3								3
SUDE130110	Phát triển bền vững										3			3					3								3
Nhóm 3: Tự chọn Pháp Luật trong môi trường kỹ thuật																											
CLET337339	Pháp luật hợp đồng trong kỹ thuật và công nghệ		2																4								2
IPTT337439	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ		2																4								2
Nhóm 4: Tự chọn Kỹ năng sống																											
BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm																		4								1
PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân			4												4			4								3
Nhóm môn không đưa vào tiến độ giảng dạy																											

PLO/PI		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																									Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7		PLO8		PLO9			
		P I 1 . 1	P I1 .2	P I1 .3	P I2 .1	P I2 .2	P I2 .3	P I3 .1	P I3 .2	P I3 .3	P I4 .1	P I4 .2	P I4 .3	P I5 .1	P I5 .2	P I5 .3	P I6 .1	P I6 .2	P I6 .3	P I7 .1	P I7 .2	P I8 .1	P I8 .2	P I9 .1	P I9 .2	P I9 .3	
ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp															4		4									2
ENCO240126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp															4		4									2
DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số			3					3																		2
SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	3																									1
Số lượng môn học/PI		4	1 8	7	1 0	6	1	9	6	5	9	8	7	5	6	5	8	5	5	1 4	8	4	6	6	6	7	
Mức năng lực cao nhất		3	4	4	4	5	5	5	5	5	5	5	4	4	4	4	3	4	4	3	3	4	5	5	6	6	

PHỤ LỤC III
MA TRẬN TƯƠNG QUAN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀ CHUẨN CDIO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
		Vận dụng kiến thức nền tảng về toán, khoa học xã hội, văn hóa, pháp luật, kinh tế và công nghệ số để nhận diện các vấn đề cơ bản trong môi trường kinh doanh quốc tế.	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, marketing và chiến lược kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	Đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, công nghệ, thị trường và bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.	Phân tích vấn đề, thực hiện nghiên cứu và ra quyết định trong kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, phương pháp nghiên cứu và bằng chứng thực tiễn.	Làm việc nhóm, lập kế hoạch, đánh giá công việc và đàm phán hiệu quả với các bên liên quan trong môi trường kinh doanh quốc tế	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi trường kinh doanh quốc tế, đa văn hóa và hội nhập.	Vận dụng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tư duy phát triển bền vững, năng lực hội nhập và hiểu biết đa văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	Thể hiện năng lực tự học, học tập suốt đời, tự định hướng phát triển chuyên môn và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế	Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát và cải tiến dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế.
1	KIẾN THỨC NỀN TẢNG TRONG NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ									
1.1	Phân tích và ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề kinh tế.	x								
1.2	Phân tích và vận dụng kiến thức tổng quan về thương mại để khai thác các nguồn	x								

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng kiến thức nền tảng về toán, khoa học xã hội, văn hóa, pháp luật, kinh tế và công nghệ số để nhận diện các vấn đề cơ bản trong môi trường kinh doanh quốc tế.	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, marketing và chiến lược kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	Đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, công nghệ, thị trường và bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.	Phân tích vấn đề, thực hiện nghiên cứu và ra quyết định trong kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, phương pháp nghiên cứu và bằng chứng thực tiễn.	Làm việc nhóm, lập kế hoạch, đánh giá công việc và đàm phán hiệu quả với các bên liên quan trong môi trường kinh doanh quốc tế	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi trường kinh doanh quốc tế, đa văn hóa và hội nhập.	Vận dụng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tư duy phát triển bền vững, năng lực hội nhập và hiểu biết đa văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	Thể hiện năng lực tự học, học tập suốt đời, tự định hướng phát triển chuyên môn và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế	Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát và cải tiến dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế.
	lực trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.									
1.3	Phân tích, đánh giá và áp dụng kiến thức chuyên sâu về kinh doanh quốc tế: chiến lược kinh doanh quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, marketing quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu, logistics và vận tải quốc tế, thanh toán quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương.		x							

CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng kiến thức nền tảng về toán, khoa học xã hội, văn hóa, pháp luật, kinh tế và công nghệ số để nhận diện các vấn đề cơ bản trong môi trường kinh doanh quốc tế.	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, marketing và chiến lược kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	Đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, công nghệ, thị trường và bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.	Phân tích vấn đề, thực hiện nghiên cứu và ra quyết định trong kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, phương pháp nghiên cứu và bằng chứng thực tiễn.	Làm việc nhóm, lập kế hoạch, đánh giá công việc và đàm phán hiệu quả với các bên liên quan trong môi trường kinh doanh quốc tế	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi trường kinh doanh quốc tế, đa văn hóa và hội nhập.	Vận dụng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tư duy phát triển bền vững, năng lực hội nhập và hiểu biết đa văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	Thể hiện năng lực tự học, học tập suốt đời, tự định hướng phát triển chuyên môn và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế	Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát và cải tiến dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế.
	việc chuyên nghiệp, góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, phát triển năng lực hội nhập quốc tế, năng lực học tập suốt đời.									
2.5	Hình thành ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.							x		
3	KỸ NĂNG TƯƠNG TÁC									
3.1	Khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả.					x				
3.2	Khả năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh dưới nhiều hình thức.						x			

CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng kiến thức nền tảng về toán, khoa học xã hội, văn hóa, pháp luật, kinh tế và công nghệ số để nhận diện các vấn đề cơ bản trong môi trường kinh doanh quốc tế.	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, marketing và chiến lược kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	Đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, công nghệ, thị trường và bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.	Phân tích vấn đề, thực hiện nghiên cứu và ra quyết định trong kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, phương pháp nghiên cứu và bằng chứng thực tiễn.	Làm việc nhóm, lập kế hoạch, đánh giá công việc và đàm phán hiệu quả với các bên liên quan trong môi trường kinh doanh quốc tế	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi trường kinh doanh quốc tế, đa văn hóa và hội nhập.	Vận dụng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tư duy phát triển bền vững, năng lực hội nhập và hiểu biết đa văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	Thể hiện năng lực tự học, học tập suốt đời, tự định hướng phát triển chuyên môn và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế	Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát và cải tiến dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế.
	nhân kinh doanh quốc tế đối với xã hội.									
4.2	Nhận diện và thích nghi với sự khác biệt của môi trường làm việc khác nhau.							X		
4.3	Hình thành, phân tích và đánh giá ý tưởng phát triển hoạt động kinh doanh quốc tế.									X
4.4	Thiết kế được các hệ thống kinh doanh quốc tế phức hợp.			X						
4.5	Triển khai và quản lý thực hiện các dự án, phần mềm kinh doanh quốc tế phức hợp.			X						
4.6	Mô phỏng vận hành hệ thống kinh doanh quốc tế phức hợp.			X						

CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng kiến thức nền tảng về toán, khoa học xã hội, văn hóa, pháp luật, kinh tế và công nghệ số để nhận diện các vấn đề cơ bản trong môi trường kinh doanh quốc tế.	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, marketing và chiến lược kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	Đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, công nghệ, thị trường và bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.	Phân tích vấn đề, thực hiện nghiên cứu và ra quyết định trong kinh doanh quốc tế dựa trên dữ liệu, phương pháp nghiên cứu và bằng chứng thực tiễn.	Làm việc nhóm, lập kế hoạch, đánh giá công việc và đàm phán hiệu quả với các bên liên quan trong môi trường kinh doanh quốc tế	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi trường kinh doanh quốc tế, đa văn hóa và hội nhập.	Vận dụng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tư duy phát triển bền vững, năng lực hội nhập và hiểu biết đa văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	Thể hiện năng lực tự học, học tập suốt đời, tự định hướng phát triển chuyên môn và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế	Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát và cải tiến dự án hoặc hoạt động kinh doanh quốc tế.
4.7	Hình thành ý tưởng khởi nghiệp									X

./.